

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33 /2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 14/6/2021.

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân :

Ông Nguyễn Văn Ngư.

Ông Lâm Ngọc Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Loan Em, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:**  
Ông Võ Văn Thuận, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

(có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh Lưu Quốc D, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

*Trong đơn khởi kiện ngày 22/02/2021, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:*

Chi L và anh D tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/5/2017; chị và anh D có 01 con chung tên Lưu Ngọc Linh N, sinh ngày 24/4/2018. Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, thời gian sau bất đồng quan điểm thường cãi nhau, nên không còn sống chung cho đến nay; hiện con đang sống chung với chị L; tài sản chung, nợ chung không có.

Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn; chị xin nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

*Tại biên bản hòa giải ngày 18/3/2021 bị đơn anh Lưu Quốc D trình bày:*

Anh D thừa nhận lời trình bày của chị L về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng, còn về mâu thuẫn là không đúng, hiện anh D còn thương chị L nên không đồng ý ly hôn, xin hàn gắn lại để chăm sóc con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về thủ tục tố tụng:**

- Đối với nguyên đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Đối với bị đơn: Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **Về quan hệ pháp luật:**

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con, nên quan hệ pháp luật điều chỉnh là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

#### **Về thẩm quyền giải quyết:**

Xét thấy nguyên đơn khởi kiện bị đơn Lưu Quốc D đang cư trú ấp C, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Châu Thành.

#### **Về nội dung:**

[1] Xét thấy chị L và anh D tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/5/2017, phù hợp theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau bất đồng quan điểm thường cãi nhau, nên không còn sống chung cho đến nay; Tại phiên tòa chị L cương quyết xin ly hôn, do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị L đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị L và anh D có 01 con chung tên Lưu Ngọc Linh N, sinh ngày 24/4/2018.

Xét thấy trong quá trình anh D và chị L không còn sống chung, cháu N được chị L chăm sóc nuôi dưỡng, nên tiếp tục ổn định giao con cho chị L nuôi dưỡng đến trưởng thành; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho anh D theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị L và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, Chị L và anh D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị chấp Hội đồng xét xử nhận yêu cầu nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Lưu Quốc D.

- Về con chung: Giao con chung tên Lưu Ngọc Linh N sinh ngày 24/4/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho anh D.

Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị L và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, Chị L và anh D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0008549 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Văn Trúc**